



Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp (DH08SP)

Số Tín Chỉ Tích lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích lũy

140
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	08132003	PHẠM THỊ LAN ANH	DH08SP	134	2.38	202301	Hóa học đại cương	3		082	3.3
						213602	Anh văn 2**	5		111	2.8
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt đầu học tập chọn		2		
2	08132073	DANH CHUYỀN	DH08SP	137	2.43	200201	Quản lý (lý thuyết)*	3		082	
							Nhóm bắt đầu học tập chọn		2		
3	08132008	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH08SP	131	2.53	203504	Giải phẫu hệ nh I	2		112	3.5
						213602	Anh văn 2**	5			
						217402 NN	Khoa học đất và phân bón	2		092	3.0
							Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt đầu học tập chọn		2		
4	08132010	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	DH08SP	139	3.04	NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt đầu học tập chọn		2		
5	08132011	TRẦN THỊ DUNG	DH08SP	140	2.96	NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt đầu học tập chọn		2		
6	08132012	TRƯƠNG MỸ DUNG	DH08SP	133	2.52	213602	Anh văn 2**	5			
						NN	Chuẩn đầu ra B1				
							Nhóm bắt đầu học tập chọn		2		
							Nhóm bắt đầu học tập chọn		4		
7	08132013	VÕ THANH DUY	DH08SP	128	2.41	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		111	2.4
						213602	Anh văn 2**	5			
						215312	Phương pháp đánh giá trong GD	2			

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH B	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn Nhóm bắt buộc tự chọn		2 5		
8	08132014	NGUYỄN THỊ DUYÊN	DH08SP	138	2.71		Nhóm bắt buộc tự chọn Nhóm bắt buộc tự chọn		2 4		
9	08132015	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH08SP	143	2.66	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
10	08132020	TRỊNH THỊ THU HÀ	DH08SP	138	3.08		Nhóm bắt buộc tự chọn Nhóm bắt buộc tự chọn		2 4		
11	08132018	NGUYỄN VĂN HAI	DH08SP	140	2.61	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
12	08132019	VŨ THỊ HAI	DH08SP	140	3.01	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
13	08132021	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	DH08SP	139	3.13		Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
14	08132022	TRẦN THỊ HẬU	DH08SP	127	2.61	202301 213601 213602 NN	Hóa học đại cương Anh văn 1 Anh văn 2** Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn	3 5 5 2		091 111	3.8 3.9
15	08132023	TRẦN THỊ DẠ HIỀN	DH08SP	140	2.96		Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
16	08132025	ĐẶNG THỊ HOA	DH08SP	140	2.89		Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
17	08132026	LÊ THỊ CẨM HÒA	DH08SP	139	3.17		Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
18	08132029	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	DH08SP	140	2.98	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
19	08132032	LÂM THỊ NGỌC LAN	DH08SP	139	3.20		Nhóm bắt buộc tự chọn		2		
20	08132034	LƯƠNG THỊ THÙY LINH	DH08SP	140	2.84	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt buộc tự chọn		2		

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp p	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học c	TC	BBTC	NHHK	ĐTK	
21	08132074	TRẦN THỊ MỸ	LOAN	DH08SP	140	2.64		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
22	08132035	LÊ VĂN	MINH	DH08SP	140	2.66	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
23	08132037	TRẦN THỊ TUYẾT	MINH	DH08SP	139	3.13		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
24	08132038	ĐÀNG THỊ	MY	DH08SP	139	3.27		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
25	08132040	QUẢNG THỊ MI	NA	DH08SP	139	2.98		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
26	08132041	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN	DH08SP	142	2.99		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
27	08132043	VÕ THỊ	NHI	DH08SP	140	2.91		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
28	08132044	PHẠM THỊ	NHUNG	DH08SP	142	3.04	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
29	08132046	TRẦN THỊ LAN	PHƯƠNG	DH08SP	140	3.20		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
30	08132051	LÊ THỊ KIM	QUỲNH	DH08SP	141	2.97		Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
31	08132075	ĐÀO THỊ DIỄM	THÁI	DH08SP	140	2.76	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
32	08132055	HỒ QUANG	THÁI	DH08SP	135	2.72	213602	Anh văn 2** Nhóm bắt đầu buổi tập chọn	5	2	111	3.2
33	08132056	VŨ THỊ	THÁI	DH08SP	130	2.84	213601 213602 NN	Anh văn 1 Anh văn 2** Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt đầu buổi tập chọn	5 5 2		111 102	3.8 2.0
34	08132054	NGUYỄN THỊ MỸ	THẢO	DH08SP	137	2.80	215311 NN	Phân tích CT công nghệ 10 Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt đầu buổi tập chọn	3	2		
35	08132058	NGUYỄN MINH	THẮNG	DH08SP	140	3.02	NN	Chuẩn đầu ra B1 Nhóm bắt đầu buổi tập chọn		2		
36	08132060	ĐOÀN THỊ KIM	THOA	DH08SP	128	2.85	215344 215349	Tập giảng dạy y KTN Thực tập giá trị nhân NLN	1 2		112 102	v

Danh Sách Không Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	TCCH	TBTL	Mã MH BB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
						215351	Thực tập giá o trị nh thủ y sả n	1		102	
						215902	Thực tập sư phạm 2	5		112	V
							Nhóm bắt t buộ c tự chọn		2		
							Nhóm bắt t buộ c tự chọn		6		
37	08132065	NGUYỄN THỊ MỸ	TRINH	DH08SP	140	2.85		Nhóm bắt t buộ c tự chọn		2	
38	08132066	THÔNG THỊ KIỀU	TRINH	DH08SP	135	2.91	213602	Anh văn 2**	5		3.6
						NN	Chuẩn đầu ra B1			111	
							Nhóm bắt t buộ c tự chọn		2		
39	08132071	PHẠM NGỌC	TÙNG	DH08SP	140	3.02	NN	Chuẩn đầu ra B1			
							Nhóm bắt t buộ c tự chọn		2		
40	08132072	LÊ THỊ KIM	YẾN	DH08SP	137	2.80	202301	Hóa học đại cương	3		3.5
						NN	Chuẩn đầu ra B1			112	
							Nhóm bắt t buộ c tự chọn		2		

Ghi Chú : BBTC=Tổ Hợp p Nhóm MH bắt t buộ c tự chọn chưa tỉ ch lũy đượ c

Nhóm TC 1: 4 TC (Min)

203208	Thống kê ứng dụng trong SH	3
208453	Marketing căn bản	2
208454	Quản trị doanh nghiệp	2
208503	Giáo dục khuyến nông	2
215321	Niên luận	1
215326	Chuyên đề ngoại khóa	1
215338	Viết và trình bày báo cáo KH	2
215339	Chuyên đề tự học	2
215348	Miltimedia trong giáo dục	2

Nhóm TC 2: 5 TC (Min)

202302	Hoá phân tích	2
202305	Thí nghiệm Hoá phân tích	1
202403	Đa dạng sinh học	2
202413	Sinh học động vật	2
202414	Sinh học thực vật	2

202416	Thực vật học và phân loại TV	2
203203	Di truyền học đại cương	3
203204	Thực hành Di truyền đại cương	1
210204	Hóa sinh đại cương	3

Nhóm TC 3: 6 TC (Min)

202609	Logic học	2
202616	Tâm lý học	2
202620	Kỹ năng giao tiếp	2
215106	Tiếng Việt thực hành	2
215310	Quản lý HCNN và GD&ĐT	2
215332	Kinh tế học giáo dục	2
215345	Giáo dục học	2

Nhóm TC 4: 12 TC (Min)

203206	Giống động vật I	2
203603	Dinh dưỡng động vật	4
203705	Chăn nuôi gia cầm đại cương	2
203707	Chăn nuôi heo đại cương	2
203709	Chăn nuôi thú nhai lại ĐC	2
203719	Thực hành trại chăn nuôi	2
204301	Độ phì và phân bón	3
204707	Côn trùng cơ bản	2
204715	Bệnh cây đại cương	3
206112	Sinh học nuôi trồng thủy sản	2
206203	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2
206205	Kỹ thuật nuôi cá biển	2
206206	KTSX giống và nuôi giáp xác	3
206207	Kỹ thuật nuôi nhuyễn thể	2
206210	Di truyền ứng dụng trong TS	2
206211	KT nuôi thủy sản nước ngọt	2
206212	KT Nuôi thủy sản ven biển	2
206301	Bệnh học thủy sản đại cương	2
207304	Máy sau thu hoạch	3
207318	Máy nông nghiệp	2
211107	Công nghệ SH đại cương	2
211125	Chẩn đoán bệnh GS/GC bằng SHPT	2
211306	Chẩn đoán bệnh GS/GC bằng CNSH	2
215218	Cây lương thực	3
215352	Rèn nghề thủy sản	1
215355	Rèn nghề nông học	1
216210	Hoa và cây cảnh	2

Nhóm TC 5: 4 TC (Min)

215303	Tâm lý học lứa tuổi sư phạm	2
215308	Phương pháp giảng dạy môn KTNN	3
215323	Rèn luyện nghiệp vụ SP	1
215333	Phương pháp thực nghiệm	2
215336	Tham vấn học đường	2
215337	E-Learning	2

Nhóm TC 6: 7 TC (Min)

215320	Thiết kế và PT CT dạy học	3
215334	Giáo dục hướng nghiệp	2
215335	Dạy học qua đề án &HĐNK	2
215903	Khóa luận tốt nghiệp	7

In Ngày y 13/06/12

TP.HCM, Ngày y 13 tháng 06 năm 2012

Người i lập p biểu u